TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 9 - 2024
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đức

2. Ông Trương Văn Ánh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Thanh Điền - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Võ Kim L**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tấn B**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2024 nguyên đơn chị Võ Kim L trình bày:* Chị và anh Nguyễn Tấn B qua quen biết, tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2001; đăng ký kết hôn ngày 18/12/2002 tại UBND xã T, huyện B (B cũ), tỉnh Vĩnh Long. Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 30/5/2002 và Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 08/10/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh B không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau vì vậy tình cảm dần lạnh nhạt, kéo dài đến nay thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Tấn B. Về con chung: Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 30/5/2002 đã trưởng thành, không yêu

cầu giải quyết; Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 08/10/2014, chị yêu cầu giải quyết cho chị được quyền nuôi, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2024 cháu Nguyễn Tấn L1 trình bày:* cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu sống với mẹ.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, 97, 98, 147, 203, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Kim L. Chị Võ Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Tấn B. Giao cháu Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 08/10/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh B chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí buộc chị L nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Võ Kim L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Tấn B, anh B có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn anh Nguyễn Tấn B tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh B vẫn vắng mặt. Chị Võ Kim L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Tấn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên anh B đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Anh B phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Kim L và anh Nguyễn Tấn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B, chị yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn anh B là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 30/5/2002 đã trưởng thành, chị L không yêu cầu giải quyết.

Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 08/10/2014, chị L yêu cầu được quyền nuôi. Xét thấy từ khi chị L và anh B không còn sống chung, chị L là người trực tiếp chăm sóc con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo; yêu cầu của chị L phù hợp nguyện vọng của cháu L1 sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên chị L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Võ Kim L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Võ Kim L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Kim L và anh Nguyễn Tấn B.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Tấn L1, sinh ngày 08/10/2014 cho chị Võ Kim L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Võ Kim L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Tấn B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Nguyễn Tấn L1 được sống chung với chị Võ Kim L.

Anh Nguyễn Tấn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị Võ Kim L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Kim L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị Võ Kim L nộp theo biên lai thu số 0013511 ngày 20/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân An Thạnh, H. Bình Tân, T. Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.